

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2019
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Sĩ

2. Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thu T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Lai Hữu T, Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch chi nhánh huyện Cầu Ngang. Vắng mặt

Địa chỉ: Khóm Thống nhất, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Bà Trần Thị Ngọc T, cán bộ tín dụng Chi nhánh huyện Cầu Ngang.

Địa chỉ: Khóm Thống nhất, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thu T trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 1997 chị T và anh D xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, khoảng 05 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi, đánh đập chị, sống chung không còn hạnh phúc, nay chị T không còn tình cảm với anh D, vì vậy chị T yêu cầu ly hôn với anh D.

+ *Về con chung*: Có hai con chung tên Nguyễn Bùi Phước L sinh ngày 09/8/2000 đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Nguyễn Bùi Như Ý sinh ngày 08/4/2009 hiện tại chị T đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

+ *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Cầu Ngang số tiền 15.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch chi nhánh huyện Cầu Ngang số tiền 20.000.000 đồng, đến hôm nay thì vợ chồng đã thỏa thuận trả nợ xong.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày*: Thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản và nợ chung. Nay anh D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì giữa vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn, vì mẹ chị T đã già yếu không ai chăm sóc nên chị T về nhà mẹ vợ sống, hàng ngày chị T mua bán, anh D vẫn phụ chị T mua bán, nên anh xin đoàn tụ để cùng nhau lo cho con ăn học.

Về con chung: Nguyễn Bùi Phước L sinh ngày 09/8/2000 đã trưởng thành anh D không yêu cầu tòa án giải quyết, Nguyễn Bùi Như Ý sinh ngày 08/4/2009 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng, anh D để chị T tiếp tục nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị T trình bày là đúng, vợ chồng có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Cầu Ngang số tiền 15.000.000 đồng, anh D đồng ý trả, Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch chi nhánh huyện Cầu Ngang số tiền 20.000.000 đồng để chị T trả.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng chính sách xã hội :

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội: Giám đốc phòng giao dịch chi nhánh huyện Cầu Ngang có gửi cho Tòa án văn bản không yêu cầu khởi kiện chị T, anh D vì ngày 28/6/2019 chị T đã trả nợ vốn và lãi cho ngân hàng xong, hiện nay không còn nợ, nên Ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ án ly hôn của anh D và chị T.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Bà Trần Thị Ngọc T trình bày vào ngày 19/7/2019 anh D đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cầu Ngang trả số nợ 15.000.000 đồng và tiền lãi, sau đó anh D vay lại 15.000.000 đồng, thời

hạn 12 tháng, hạn trả lãi theo quý, vì anh D mới ký hợp đồng vay nên nay Ngân hàng không yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa anh D và chị T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung giao Nguyễn Bùi Như Ý sinh ngày 08/4/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con, chị Trang không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, về tài sản chung chị T không yêu cầu không xem xét. Về nợ chung: Chị T không tranh chấp; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa anh D và chị T nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa chị T và anh D là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị T và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 1997 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh D hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh D, theo lời khai của chị T tại Tòa án và tại phiên tòa thì trong thời gian khoảng 05 năm trở lại đây, tính tình anh D thay đổi, anh D không làm ăn lo gia đình vợ con mà thường đi nhậu về kiếm chuyện cãi vã, vì con chị T đã cố gắng khuyên nhủ nhưng anh D vẫn không sửa đổi, hiện nay chị T không còn tình cảm với anh D; về phía anh D xin đoàn tụ vì còn thương vợ con, mâu thuẫn không lớn mà vợ chồng phải ly hôn, Tòa án nhận thấy, khi triệu tập anh D nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của anh chị thì anh D chỉ đến một lần, và Tòa án đã cho thời gian để vợ chồng suy nghĩ đoàn tụ, thời gian ly thân anh không cố gắng xây đắp tình cảm để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy

con chung, chứng tỏ rằng anh không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, nên mâu thuẫn giữa chị T và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị T yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh D.

[3] *Về con chung*: Nguyễn Bùi Phước L sinh ngày 09/8/2000 đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nguyễn Bùi Như Ý sinh ngày 08/4/2009 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung của chị T, anh D từ khi vợ chồng ly thân thì chị T nuôi dưỡng đến nay, cuộc sống của con đã ổn định, tình cảm giữa chị và con gắn bó hơn, mặc khác con vẫn khỏe mạnh bình thường, tại phiên tòa Nguyễn Bùi Như Ý có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị T, vì vậy cần giao con chung tên Nguyễn Bùi Như Ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không nên không xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị T không tranh chấp nên không xét. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa anh D và chị T nên không xem xét

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh D.

- *Về con chung*: Nguyễn Bùi Phước L sinh ngày 09/8/2000 đã trưởng thành, chị Trang không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Giao con tên Nguyễn Bùi Như Ý sinh ngày 08/4/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-*Về tài sản chung*: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

-*Về nợ chung*: Chị T không tranh chấp nên không xét. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002280 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Tranh